

Bản án số:114/2025/DS-ST

Ngày 18/8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Tú Anh

Bà Vũ Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 2, Thành phố Hà Nội.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2025/QĐXX-ST ngày 10/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V3)

Trụ sở: Tầng 1 (Tầng trệt) và Tầng B Tòa nhà S, Số A P, Phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: **Bà Đinh Thị Hồng G**, ông Nguyễn Hoàng H, bà Trịnh Minh T (Giấy ủy quyền số 001579.25 ngày 02/01/2025), Ông Lưu Văn N, ông Nguyễn Đức V1, ông Lý Quốc V2 (Giấy ủy quyền số 225039.25 ngày 01/8/2025). Có mặt ông Lưu Văn N.

- Bị đơn: Chị **Trần Thị Thu H1**, sinh năm 1989

Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1976

Đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số C ngõ B, phố N, phường V - Q, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây viết tắt là V3) trình bày:

Theo đề nghị vay vốn của bà Nguyễn Thị Thu H2 và ông Nguyễn Xuân T1. VIB và bà Nguyễn Thị Thu H2 và ông Nguyễn Xuân T1 đã ký các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 900.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 19/10/2016 và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 900.068.KUNN.VIB.2016 ngày 19/10/2016:

- Số tiền vay: 800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng*);

- Thời hạn vay: 60 tháng;

- Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.99%/năm (Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân). Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh +3,99%/năm, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng N1 và chính sách của V3 tại từng thời kỳ.

- Mục đích vay: Mua 05 xe ô tô con.

2. Hợp đồng tín dụng số 903.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 25/10/2016, Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 903.068.KUNN.VIB.2016 ngày 25/10/2016:

- Số tiền vay: 240.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu đồng*);

- Thời hạn vay: 60 tháng;

- Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.99%/năm (Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày khoản vay được giải ngân) Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh +3,99%/năm, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng N1 và chính sách của V3 tại từng thời kỳ.

- Mục đích vay: Mua xe ô tô con.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là:

* Xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 30E – 382.56, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 282007 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 17/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1.

* Xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 30E – 380.35, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286450 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1.

* Xe ô tô nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 30E – 379.75, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286458 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1.

Sau khi ký hợp đồng, V3 đã thực hiện giải ngân cho bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đúng theo thỏa thuận tại HĐTD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 01/6/2018.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, V3 đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên bà H1, ông T1 không thực hiện. Kể từ khi giải ngân khoản vay cho đến ngày 02/01/2025, tổng số tiền bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đã thanh toán cho ngân hàng là: **678.143.066 đồng**, trong đó nợ gốc: **552.646.930 đồng**, **nợ lãi 125.496.136 đồng**.

Dư nợ của bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 tạm tính đến ngày 18/8/2025 là:

Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng
900.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 19/10/2016	319.353.070	119.149.499	395.578.632	834.081.201
903.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 25/10/2016	168.000.000	35.659.122	190.407.603	394.066.725
Tổng	487.353.070	154.808.621	585.986.235	1.228.147.926

Do bà H1, ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên VIB kính đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hà Nội xét giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải trả ngay cho V3 toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.228.147.926 (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng).

2. Buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 tiếp tục trả cho VIB các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian kể từ ngày 19/8/2025 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. VIB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài

sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ nếu bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án Nhân dân có thẩm quyền.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V3. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V3.

Về án phí: Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng chịu toàn bộ chi phí tố tụng thẩm định tài sản.

Ngoài những yêu cầu trên ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Quá trình tiến hành quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo cho bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 là bị đơn trong vụ án biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đối với bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 và triệu tập bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án không thể cho bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 làm bản tự khai và tiến hành các thủ tục đối chất, hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi

tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.228.147.926 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 không thanh toán được khoản tiền nợ gốc, lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 có nơi cư trú tại số C ngõ B, phố N, phường V - Q, thành phố Hà Nội. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 theo khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T1, bà H1 không đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1, ông T1 là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét Hợp đồng tín dụng số 900.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 19/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số 903.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 25/10/2016 được ký giữa bên vay là bà Trần Thị Thu H1, ông Nguyễn Xuân T1 và bên cho vay là Ngân hàng TMCP Q các bên tham gia giao kết Hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện về chủ thể, nội dung giao kết không trái với các quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm nên phát sinh hiệu lực thi hành.

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 487.353.070 đồng (Bốn trăm tám mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng) của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 900.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 19/10/2016, phụ lục đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số:

900.068.KUNN.VIB.2016 ngày 19/10/2016 thể hiện V3 đã giải ngân cho ông T1, bà H1 số tiền **800.000.000 đồng** (T2 trăm triệu đồng) và Hợp đồng tín dụng số 903.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 25/10/2016, phụ lục đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 903.068.KUNN.VIB.2016 ngày 25/10/2016 thể hiện V3 đã giải ngân cho bà H1, ông T1 số tiền **240.000.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Ông T1, bà H1 đã ký nhận nợ tại khế ước nhận nợ trên. Quá trình thực hiện Hợp đồng tính đến ngày 02/01/2025, tổng số tiền bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đã thanh toán cho ngân hàng V3 là: **678.143.066 đồng**, trong đó nợ gốc: **552.646.930 đồng**, **nợ lãi 125.496.136 đồng**. Số tiền gốc của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên bà H1 ông T1 còn nợ VIB là **487.353.070 đồng** (Bốn trăm tám mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng). Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, giải trình thanh toán của Ngân hàng đủ cơ sở xác nhận bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 còn nợ VIB số tiền nợ gốc nêu trên. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng V3 đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải thanh toán trả cho V3 số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn và lãi quá hạn của các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 18/8/2025 với số tiền là: 740.794.856 đồng. Trong đó nợ lãi trong hạn: 154.808.621 đồng; nợ lãi quá hạn: 585.986.235 đồng. Tại mục 1.4 Điều 1 của các Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh theo quy định về lãi suất của V3 từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật và được V3 chủ động xác định xác định tại thời điểm giải ngân/ thời điểm điều chỉnh lãi suất, tại mục 6 của phụ lục đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 19/10/2016 các bên thỏa thuận: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,99%/ năm (Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 24 tháng đầu kể từ ngày giải ngân). Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh +3,99%/ năm, phù hợp với các quy định của pháp luật, Ngân hàng N1 và chính sách của V3 từng thời kỳ. Khoản vay của ông T1, bà H1 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/6/2018. Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cũng như bản giải trình cách tính lãi suất do Ngân hàng xuất trình, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật”, tại khoản 2 Điều 11, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN quy định: “Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận đối với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã

được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng” và tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Như vậy, đối với lãi suất mà Ngân hàng TMCP Q áp dụng đối với Hợp đồng tín dụng ký kết với bà Trần Thị Thu H1, ông Nguyễn Xuân T1 cũng như giải trình về tính lãi mà Ngân hàng xuất trình là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận và buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền lãi tính từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 18/8/2025 là 740.794.856 đồng (*B trăm bốn mươi triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng*).

[5]. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Thu H1, ông Nguyễn Xuân T1 không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy:

Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 2 và phụ lục 1 của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 900.068/HĐTC.VIB.2016 ngày 19/10/2016 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 903.068/HĐTC.VIB.2016 ngày 25/10/2016 được ký kết giữa Bên thế chấp: Bà Trần Thị Thu H1, ông Nguyễn Xuân T1 và Bên nhận thế chấp: Ngân hàng TMCP Q hai bên thỏa thuận ông T1, bà H1 dùng tài sản của ông bà là Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING màu trắng, biển kiểm soát 30E – 380.35, số khung: RNYSA2432CC033146, số máy: G4HGCM496973, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286450 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1 và Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING, biển kiểm soát 30E – 379.75, số khung: RNYSA2432CC031229, số máy: G4HGCM483979, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286458 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1; Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING, màu bạc, biển kiểm soát 30E – 382.56, khung: RNYTA52M5GC090401, số máy: G3LAGP060482, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 282007 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 17/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1 thế chấp cho Ngân hàng V3 để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng V3 phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Tài sản thế chấp này đã được bà H1, ông T1 có đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/10/2016, ngày 25/10/2016 và được hệ thống đăng ký trực tuyến – Cục đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước – Bộ tư pháp duyệt theo số đăng ký

1228629990, thời điểm đăng ký ngày 25/10/2016; số đăng ký 1228034991, thời điểm đăng ký ngày 19/10/2016.

Ngày 30/5/2025, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định đối với các tài sản thế chấp nêu trên, tuy nhiên bà H1, ông T1 không đưa xe đến Tòa theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng không thẩm định được.

Xét thấy: Các hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải nêu trên được lập thành văn bản, người tham gia ký kết đáp ứng đủ yêu cầu về chủ thể, tài thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, nội dung hai bên thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp đã được bên thế chấp đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, các Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải nêu trên có hiệu lực pháp luật, vì vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Xuân T1 và bà Trần Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q chịu cả chi phí tố tụng thẩm định tài sản thế chấp.

[7]. Về án phí: Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí đối với các yêu cầu được chấp nhận. Ông Nguyễn Xuân T1, bà Trần Thị Thu H1 phải chịu án phí đối với các phần yêu cầu mà bên Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận. Theo quy định tại mục 1 phần II danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là (36 triệu đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219; khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (được sửa đổi bổ sung năm 2010);

Căn cứ Điều 295, 317, 319, 322, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 18/8/2025 là: 1.228.147.926 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 487.353.070 đồng, lãi trong hạn: 154.808.621 đồng, lãi quá hạn: 585.986.235 đồng.

[2]. Xác nhận bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng số 900.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 19/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số 903.068.HĐTD.VIB.2016 ngày 25/10/2016 là: 1.228.147.926 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

[3]. Buộc bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 1.228.147.926 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi sáu đồng*).

[4]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q2 có quyền xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm của bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 là: Quyền sở hữu và sử dụng đối với 01 Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING màu trắng, biển kiểm soát 30E – 380.35, số khung: RNYSA2432CC033146, số máy: G4HGCM496973, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286450 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1; 01 Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING, biển kiểm soát 30E – 379.75, số khung: RNYSA2432CC031229, số máy: G4HGCM483979, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 286458 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 03/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1 và 01 Xe ô tô con nhãn hiệu KIA MORNING, màu bạc, biển kiểm soát 30E – 382.56, khung: RNYTA52M5GC090401, số máy: G3LAGP060482, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 282007 do Phòng CSGT Công an Thành phố H cấp ngày 17/10/2016, đứng tên HKD Trần Thị Thu H1. Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán được quy định tại điều 1 của Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 900.068/HĐTC.VIB.2016 ngày 19/10/2016 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 903.068/HĐTC.VIB.2016 ngày 25/10/2016.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 đối với Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T1, bà H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

[6]. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Q chịu cả chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp.

[7]. Về án phí: Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền 23.480.601 đồng (Hai mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, sáu trăm linh một đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0026038 ngày 29/3/2025. Bà Trần Thị Thu H1 và ông Nguyễn Xuân T1 phải chịu 48.844.437 đồng (Bốn mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THA khu vực 2;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG THỊ HỒNG

